

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

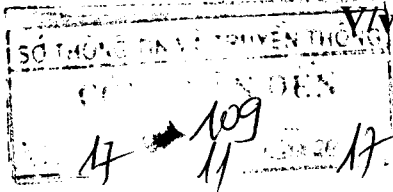
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1985**/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **15** tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Bổ sung kinh phí điều chỉnh tăng lương năm 2017
cho các đơn vị khối tỉnh**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 2323/TTr-STC ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Sở Tài chính về việc bổ sung kinh phí điều chỉnh tăng lương năm 2017 cho các đơn vị khối tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp bổ sung kinh phí điều chỉnh tăng lương năm 2017 cho các đơn vị khối tỉnh số tiền **11.449.967.000 đồng** (Mười một tỷ bốn trăm bốn chín triệu chín trăm sáu bảy nghìn đồng) từ nguồn cải cách tiền lương dự toán năm 2017, để thực hiện điều chỉnh tăng lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ (Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Tài chính hướng dẫn đơn vị sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kho bạc nhà nước Hà Nam và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Như điều 3;
 - Lưu VT, KT.
- QD 255 BSKP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đông

**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN VÀ NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 47/2017/NĐ-CP NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số **1985** /QĐ-UBND ngày **15** tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	CHỈ TIÊU	Nhu cầu kinh phí tiền lương tăng thêm năm 2017	Nguồn kinh phí đơn vị tự đảm bảo	Kinh phí còn thiếu đề nghị bổ sung
A	B	1	2	3=1-2
1	Sở Thông tin truyền thông	93.554	-	93.554
	- QLNN	70.161	-	70.161
	- SNKT	23.393	-	23.393
2	Sở Tư pháp	146.200	67.818	78.382
	- QLNN	81.453	22.000	59.453
	- SNKT	64.747	45.818	18.929
3	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	78.011	-	78.011
	- QLNN	74.651	-	74.651
	- SNKT	3.360	-	3.360
4	Sở Tài nguyên và môi trường	324.859	201.681	123.178
	- QLNN	185.875	97.267	88.608
	- SN môi trường	25.573	25.573	-
	- SN địa chính	113.411	78.841	34.570
5	Hội Nông Dân	83.624	-	83.624
6	Sở Giao thông vận tải	198.800	-	198.800
	- QLNN	198.800	-	198.800
7	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	743.766	167.277	576.489
	- QLNN	406.274	113.893	292.381
	- SN nông lâm	260.238	53.384	206.854
	- SN môi trường	17.213	-	17.213
	- SN thủy lợi	60.041	-	60.041
8	Trường Cao đẳng sư phạm	313.218	313.218	-
9	Đài Phát thanh truyền hình	176.152	176.152	-
10	Hội Chữ thập đỏ	30.267	-	30.267
11	Sở Xây dựng	140.964	134.922	6.042
	- QLNN	102.738	96.696	6.042
	- SNKT	38.226	38.226	-
12	Ban quản lý phát triển khu đô thị mới	28.063	-	28.063
13	Tỉnh ủy	960.465	-	960.465
	- QLHC	868.653	-	868.653
	- SN báo chí	85.938	-	85.938
	- SN Y tế	5.874	-	5.874
14	Sở Lao động, Thương binh & xã hội	549.729	18.446	531.283
	- QLNN	59.382	-	59.382

STT	CHỈ TIÊU	Nhu cầu kinh phí tiền lương tăng thêm năm 2017	Nguồn kinh phí đơn vị tự đảm bảo	Kinh phí còn thiếu đề nghị bổ sung
	- SN đào tạo	246.906	18.446	228.460
	- SN đảm bảo xã hội	243.441	-	243.441
15	Sở Y tế	6.770.298	4.147.107	2.623.191
	- QLNN	174.923	110.594	64.329
	- Sự nghiệp Y tế	6.401.342	3.848.302	2.511.896
	- Sự nghiệp đào tạo	194.033	147.067	46.966
16	BQL Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	12.328	-	12.328
17	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	337.360	-	337.360
18	Liên minh Hợp tác xã	39.979	-	39.979
19	BQL khu Đại học Nam Cao	22.014	-	22.014
20	Sở Nội vụ	179.505	-	179.505
	- QLNN	172.660	-	172.660
	- SNKT	6.845	-	6.845
21	Hội Cựu chiến binh	45.894	-	45.894
22	VP Ủy ban nhân dân	291.629	-	291.629
	- QLNN	275.393	-	275.393
	- SNKT	16.236	-	16.236
23	Sở Văn hoá, Thể thao & Du lịch	363.682	-	363.682
	- QLNN	125.597	-	125.597
	- SNVH	173.177	-	173.177
	- SNKT	12.187	-	12.187
	- SNTT	52.721	-	52.721
24	Sở Khoa học công nghệ	125.754	29.994	95.760
	- QLNN	95.760	-	95.760
	- SNKH	29.994	29.994	-
25	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.395.936	757.382	3.638.554
	- QLNN	163.464	-	163.464
	- SNGD	4.232.472	757.382	3.475.090
26	Sở Kế hoạch và Đầu tư	115.332	98.000	17.332
	- QLNN	110.136	98.000	12.136
	- SNKT	5.196	-	5.196
27	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	83.960	-	83.960
28	Tỉnh đoàn	104.418	-	104.418
	- QLNN	81.390	-	81.390
	- SN đào tạo	23.028	-	23.028
29	Sở Tài chính	193.653	-	193.653
	- QLNN	169.798	-	169.798
	- SNKT	23.855	-	23.855
30	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	100.881	-	100.881
31	Sở Công thương	368.916	119.263	249.653

STT	CHỈ TIÊU	Nhu cầu kinh phí tiền lương tăng thêm năm 2017	Nguồn kinh phí đơn vị tự đảm bảo	Kinh phí còn thiếu đề nghị bổ sung
	- QLNN	335.242	104.644	230.598
	- SNKT	33.674	14.619	19.055
32	Hội Phụ nữ	68.969	-	68.969
33	Thanh tra tỉnh	115.986	-	115.986
34	Trường Chính trị	172.510	172.510	-
35	Hội Đông y	22.734	-	22.734
36	Hội Văn học nghệ thuật	14.796	-	14.796
37	Hội Người mù	15.531	-	15.531
38	Hội khuyến học	3.000	-	3.000
39	Hội nạn nhân chất độc da cam Dioxin	3.000	-	3.000
40	Hội cựu thanh niên xung phong	3.000	-	3.000
41	Ban liên lạc bị địch bắt và tù đầy	3.000	-	3.000
42	Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	3.000	-	3.000
43	Hội nhà báo	3.000	-	3.000
44	Ban đại diện người cao tuổi	3.000	-	3.000
45	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	3.000	-	3.000
	Tổng cộng	17.853.737	6.403.770	11.449.967

Ghi chú: Thực hiện Kết luận Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 tỉnh Hà Nam tại văn bản số 516/KTNN-TH ngày 17/10/2017 của Kiểm toán nhà nước khu vực I, nguồn cải cách tiền lương năm 2016 còn lại tiếp tục trừ năm 2017 là:

- Sở Giáo dục và đào tạo	746.000.000	đồng
- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	167.277.000	đồng
- Sở Tài nguyên và môi trường	3.732.460	đồng
- Đài Phát thanh truyền hình	162.495.000	đồng
- Sở Y tế	3.879.366.000	đồng